

CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÀI TIỂU LUẬN

PHẦN I. Lời giới thiệu

PHẦN II. Nội dung cơ bản luận vấn đề ô nhiễm môi trường

Chương I. Môi trường tự nhiên và tác động của con người đến môi trường

I. Định nghĩa khái niệm môi trường

II. Phân loại môi trường: Tài nguyên hữu hạn, vô hạn

Chương II: Ô nhiễm môi trường

I. Nguyên Nhân

II. Thực trạng ô nhiễm

Chương III: Vấn đề môi trường ở địa phương, ở Đắk Lắk

I. Tài nguyên rừng bị cạn kiệt, thoái hoá

II. Tình trạng di dân, phá rừng bừa bãi

III. Nguồn nước sinh hoạt và tưới tiêu

IV. Biện pháp giao đất, giao rừng

Chương IV: Môi trường ở Việt Nam trong thời kỳ Việt Nam gia nhập (WTO)

Chương V: Phương hướng và chương trình hành động về bảo vệ môi trường

I. Khí quyển, khí hậu

II. Đất và sự hoang mạc

III. Rừng nhiệt đới

PHẦN III: Kết luận

PHẦN I

LỜI GIỚI THIỆU

Hiện tượng băng tan, trái đất đang nóng lên là vấn đề toàn cầu. Các hiện tượng trên là sự tác động trở lại của môi trường đối với con người. Môi trường tự nhiên và con người có quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau.

Khi con người sinh ra đã có mối quan hệ với môi trường sau đó mới đến mối quan hệ xã hội. Để tồn tại được con người phải dựa vào môi trường. Con người đã lấy môi trường tự nhiên làm đối tượng lao động để tác động vào và tạo ra của cải, vật chất nuôi sống bản thân và xã hội. Con người đã dùng khả năng lao động và sự sáng tạo của mình khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên có sẵn để duy trì cuộc sống, phục vụ nhu cầu cần thiết vào sự phát triển của xã hội. Từ chỗ lúc đầu bị phụ thuộc vào thiên nhiên, con người đã dần dần cải tạo tự nhiên, bắt thiên nhiên phục vụ lại cho con người.

Sau cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật lần II ra đời thì con người đã tăng cường khai thác tài nguyên thiên nhiên nhanh chóng, khai thác với số lượng lớn nhờ công nghệ tiên tiến, đã làm mất cân bằng sinh thái, nhu cầu của con người đã vượt quá khả năng cung cấp và tái tạo lại của tự nhiên.

Đồng thời với việc khai thác con người còn tác động tiêu cực phá hoại môi trường như: thả bom nguyên tử, rải chất độc da cam, thuốc diệt cỏ... đã làm chết hàng loạt cây, vùng sinh thái bị phá hoại gây ra hiện tượng “Hiệu ứng nhà kính”, thủng tầng ozon.

Môi trường bị ô nhiễm do nguyên nhân trực tiếp con người tác động vào. Với tốc độ công nghiệp hoá, đô thị hoá nhanh chóng đã tiêu thụ nguồn tài nguyên thiên nhiên, thải ra môi trường các loại rác thải, bụi chất độc hại, chất phóng xạ. Gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ con người. Môi trường sống của con người ngày càng bị đe dọa.

Các tổ chức của môi trường trên thế giới đang đề ra những biện pháp khắc phục, bảo vệ môi trường. Từ nhu cầu bức thiết trên các nhà khoa học đang nghiên cứu các công nghệ tiên tiến để cải thiện các vấn đề ô nhiễm môi trường, mà nổi bật trong đó là công nghệ xử lý nước thải. Tăng cường bảo vệ nguồn tài nguyên rừng là “lá phổi xanh của trái đất”.

Vấn đề bảo vệ môi trường, không phải của riêng ai, mà đó là vấn đề chung của cả nhân loại. Mỗi cá nhân, tập thể phải có ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường sống bằng những hành động thiết thực và thấy được tầm quan trọng của môi trường tác động đến đời sống của con người. Để tìm hiểu sâu về vấn đề ô nhiễm môi trường tác động đến nhân loại. Em đã sưu tập các bài báo, các nghiên cứu của tác động, của môi trường thành một bài tiểu luận về đề tài môi trường. Trong đó có sự đánh giá và suy nghĩ của bản thân em về vấn đề môi trường, vấn đề chung của nhân loại. Bài làm còn hạn chế rất mong sự góp ý của các thầy cô và các bạn.

PHẦN II

MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI TỚI MÔI TRƯỜNG

I. Môi trường tự nhiên và thực trạng

1. Định nghĩa:

Tài nguyên là tất cả mọi dạng vật hữu dụng cho con người và sinh vật. Đó là một phần của môi trường mà cần thiết cho cuộc sống.

Ví dụ: Tài nguyên rừng, tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản.

2. Phân loại:

Tài nguyên bao gồm hai loại: hữu hạn và vô hạn

- Tài nguyên hữu hạn: Là tài nguyên không phục hồi, tuyệt đối không phục hồi lại được như: dầu, than đá hoặc phục hồi lại nhưng rất chậm như rừng cây. Nguồn tài nguyên này tùy thuộc vào mức sử dụng mà bản thân chúng có quá trình tự phục hồi. Tuy nhiên bản thân con người có tác động tích cực và trực tiếp.

- Tài nguyên vô hạn: Bao gồm khí hậu, nước, đất, gió, năng lượng, ánh sáng.

3. Tài nguyên sinh học:

Là tất cả các loại động vật, thực vật, vi sinh vật, sống hoang dại trong tự nhiên, trong rừng, trong đất, trong môi trường nước.

Sinh học rất đa dạng có khoảng 1.4 triệu loài. Thể hiện ở mức độ gen, loài và hệ sinh thái.

Vai trò đa dạng sinh học đóng vai trò quan trọng không chỉ trong thiên nhiên mà còn trong đời sống con người. Loài và hệ sinh thái là cơ sở cho nền văn minh nhân loại. Các loại động vật và thực vật hoang dã đang và sẽ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội.

Nguyên nhân làm giảm đa dạng sinh thái là do mất nơi sinh sống (do chặt phá rừng bừa bãi). Mỗi năm chúng ta mất đi 17.500 loài, khai thác quá mức các loài động vật, thực vật, do ô nhiễm đất, nước, khí hậu.

Chương II

Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

I. Nguyên nhân:

Tuỳ thuộc vào 3 yếu tố:

- Số lượng dân tộc
- Tổng số tài nguyên mà con người sử dụng
- Mỗi đơn vị tài nguyên bị sử dụng

Ô nhiễm môi trường xảy ra do các nguyên nhân chính như sau:

Mặt đất và nước bị sử dụng để tạo thành những sản phẩm phục vụ cho con người, như trái đường, cơ sở xây bê tông, nhà máy, xí nghiệp làm cho một số loài có đời sống hoang dã bị mất nơi cư trú.

Đất canh tác mãnh liệt để sản xuất nông nghiệp làm giảm bớt sự xói mòn và suy thoái chất dinh dưỡng trong đất.

Đất vụ mùa được tưới không hiệu quả, nước rút quá nhanh hoặc tích tụ làm giảm năng xuất nông nghiệp.

Chuyển đổi cây trồng làm giảm diện tích từ rộng sang hẹp đến mức độ động vật không còn nơi cư trú, đời sống bị đe dọa dẫn đến hậu quả là diện tích trồng rừng bị giảm so xói mòn đất và ngập lụt. Một số nơi đất bị hoang hoá.

II. Thực trạng ô nhiễm

Môi trường là bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố nhân tạo vật chất có quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống sản xuất, sự tồn tại phát triển của con người trong thiên nhiên.

Dựa vào các chất gây ô nhiễm. Người ta phân loại ô nhiễm như sau:

Ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm môi trường không khí, ô nhiễm môi trường đất đai, ô nhiễm tiếng ồn. Các chất gây ô nhiễm không khí tác động tức thời và tại chỗ. Trên môi trường của chúng ta mà còn có thể gia tăng ảnh hưởng theo không gian và thời gian.

Sự ô nhiễm môi trường là sự thay đổi đặc tính, vật lý, hóa học, sinh học của không khí, nước, hoặc đất đai mà nó có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, sự sống còn hoặc những hoạt động của con người hay những hình thức cuộc sống không ai ưa thích.

1. Ô nhiễm môi trường nước:

Sự ô nhiễm do chất thải phóng xạ, bãi rác, hóa chất... làm ảnh hưởng các khu vực ven dòng nước, làm ô nhiễm nguồn nước trầm trọng.

Ở Việt Nam: Ô nhiễm nguồn nước khu vực sinh hoạt chủ yếu ô nhiễm do phân và chất dơ bẩn khác từ cống nước thải và các khu công nghiệp đổ trực tiếp ra sông ngòi, hậu quả làm cho việc thu nhận oxy chậm, sinh vật sống trong nguồn nước không sống được.

2. Ô nhiễm môi trường hóa học:

Do hoạt tính canh nông, tác động công nghiệp làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người cũng như sinh vật sống.

Do thói quen dùng bừa bãi các loại thuốc trừ sâu, phân bón hóa học làm thoái hóa đất và nước.

3. Ô nhiễm không khí:

Đó là kết quả của sự đào thải ra khí quyển các loại khí, hơi, tia, giọt hay các loại khác thường không phải là thành phần không khí hay có khi là ở một nồng độ thông thường nhưng đủ trong một thời gian nào đó gây ảnh hưởng bất lợi cho sinh vật và tài sản, vật chất.

VD: Ô nhiễm không khí ở thung lũng Meuse (Bỉ 1930).

Thoát hơi độc Dioxin của một công ty hóa chất Mỹ gây thiệt hại môi trường ở Ấn Độ năm 1984.

Hậu quả làm xáo trộn quá trình địa sinh thái hóa, làm tăng nhiệt độ, cường độ ánh sáng, khí hậu nóng lên, thực vật giảm năng suất quang hợp, gây cho động vật và con người nhiều căn bệnh liên quan đến hô hấp, ung thư, di truyền đồng thời cũng làm ăn mòn các công trình kiến trúc.

4. Ô nhiễm đất:

Là những hậu quả do tập quán sai trái, phản khoa học do hoạt động trong nông nghiệp với những phương thức canh tác khác nhau và thải bỏ không hợp lý các chất cặn bã, chất lỏng vào đất. Ngoài ra ô nhiễm đất đai do chất ô nhiễm không khí thấm xuống đất.

Hậu quả: Gây một số bệnh truyền nhiễm, bệnh giun sán, kí sinh trùng.

5. Ô nhiễm tiếng ồn:

Là tập hợp những âm thanh hỗn tạp, có những tần số và chu kỳ khác nhau. Hay nói cách khác tiếng ồn là những âm thanh chói tai, phát sinh từ những nguồn chấn động không tuần hoàn.

Hậu quả: Gây cảm giác khó chịu, ức chế thần kinh, giảm sự chú ý, do đó lượng sản phẩm hạn chế việc phát triển sáng kiến. Tác hại đến sức khỏe, hội chứng đau đầu, rối loạn tim mạch, hô hấp, làm rối loạn thần kinh. Cuối cùng đưa đến bệnh tâm thần, giảm tuổi thọ và mất trí nhớ.

VD: Tại TP.Hồ Chí Minh xe cộ ngày càng đông, xí nghiệp, nhà máy, các khu công nghiệp ngày càng phát triển nên mức độ ô nhiễm môi trường ngày càng cao.

Ngoài ra môi trường ở các khu công nghiệp, đô thị ngày càng bị ô nhiễm nặng nề do tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, đất chật người đông, hệ thống cây xanh ven đường không đáng kể, thiếu bầu không khí trong lành.

Các vùng đồi núi có diện tích rừng bị chặt phá bừa bãi do tập quán đốt rừng làm rẫy và di dân của các đồng bào miền núi, các dân tộc thiểu số. Đã góp phần làm đất đai bị bạc màu, xói mòn, xuất hiện lũ quét, lũ ống.;

Là một người dân vùng núi, em đã có tiếp xúc với môi trường sinh thái ở Đắk Lắk.

Chương III

VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG Ở ĐẮK LẮK

Sự thoái hóa môi trường và ccs nguồn tài nguyên ở tỉnh Đắk Lắk.

So với năm 1993 tổng diện tích đất nông nghiệp của tỉnh tăng gấp đôi, trung bình hàng năm tăng 46.000ha. Đa số diện tích đất mới khai phá được dùng để trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cà phê. Do tốc độ mở rộng diện tích đất trồng trọt nhanh, tỷ lệ che phủ rừng giảm từ 90% năm 1960 xuống 57% năm 1995 rơi xuống 50% trong những năm cuối thập niên 90. Trong gần 20 năm lại đây trung bình mỗi năm Đắk Lắk mất 20.000ha rừng. Theo người dân địa phương. Nguyên nhân chính việc phá rừng để sản xuất nông nghiệp của người di cư cùng với giá cà phê và hạt tiêu tăng nhanh đã đẩy tốc độ phá rừng lên cao trong các năm từ 1994-1998. Ngoài ra còn có nguyên nhân chủ quan khác như năng lực quản lý kém của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ranh giới hành chính không rõ ràng và hợp lý trong việc lập kế hoạch và sử dụng đất cho người dân, chậm quy hoạch đất, ranh giới hành chính không rõ ràng và hợp lý trong việc lập kế hoạch sử dụng đất.

Hậu quả các nguồn tài nguyên bị thoái hóa nghiêm trọng như xói mòn đất. Do rừng bị phá, các nguồn nước trở nên cạn kiệt trong mùa khô và lụt lội thường xuyên trong mùa mưa, gây ra những tổn thất to lớn.

Những người nghèo là những người phải gánh chịu hậu quả nặng nề bởi nạn phá rừng. Bởi vì trải qua nhiều thế hệ, nông dân, đặc biệt là những người nghèo, thiếu số các vùng núi phải dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên để kiếm sống. Họ biết rõ cách khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên, tuy nhiên trải qua 30 năm đấu tranh cùng với tốc độ tăng dân số nhanh chóng dẫn đến tình trạng thiếu đất trồng trọt. Sau khi bán đất trồng trọt, nhiều hộ nghèo phải chuyển sâu vào trong rừng để khai thác đất mới mặc dù điều kiện sống vất vả. Hậu quả đất rừng dần dần chuyển hóa thành đất nông nghiệp năng suất thấp và mức độ dễ tổn thương cao hơn, một nguồn tài nguyên kinh tế trở nên ít hấp

dẫn hơn so với việc phát triển cây công nghiệp. Để bảo tồn và bảo vệ nguồn lợi từ rừng, một nhiệm vụ khó khăn- chính phủ cần hỗ trợ đầy đủ chính sách khuyến khích người dân nhận thức đầy đủ các vấn đề môi trường. Cần huy động một phong trào rộng lớn để bảo vệ môi trường gìn giữ, bảo vệ sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lý.

Hiện nay vấn đề cấp bách được đặt ra đó là nguồn nước ngày càng cạn kiệt và ô nhiễm. Diện tích đất có thể trồng lúa ở Đắk Lắk chiếm một diện tích rất nhỏ trong tổng diện tích của toàn tỉnh. Sản lượng bình quân đầu người bằng thóc năm 2002 của Ea H'leo và Đắk R'lấp từ 30-40 kg. Do đó, đa số các hộ phải áp dụng đất canh tác cây lương thực trên đất dốc phụ thuộc nhiều vào giữ nước và đất việc phá rừng trong mấy năm gần đây làm cho nước đang bị thiếu nghiêm trọng trong mùa khô. Nông dân phải tưới vườn cà phê 4 lần/ngày để đảm bảo cho năng suất cao. Điều này là khó đối với nhiều hộ trồng cà phê nghèo đói có vườn cà phê cách xa nguồn nước và chất đất lại nghèo hơn, khả năng giữ nước thấp, khiến cho chi phí tưới nước trở nên cao hơn. Chính phủ đang triển khai một chương trình cung cấp cho mỗi hộ nghèo 5 lít dầu diezen để chạy máy bơm, nhưng cũng chỉ như muối bỏ biển,

Điều quan trọng hơn là phải duy trì rừng. Những người cao tuổi ở buôn Trung Kinh, xã Ea Rá nói “Xin hãy giao rừng cho dân nếu không công ty đồ gỗ nội thất Trường Thành sẽ sớm phá hết rừng” việc giao rừng cho từng hộ là một chính sách đúng đắn. Tuy nhiên theo người dân ở xã Quảng Tân công tác bảo tồn rừng được trả rất thấp. Người dân chỉ được trả 20.000đ-30.000đ cho một ha rừng, không phải là 50.000đ theo quy định chính sách, trong khi họ có thể kiếm dễ dàng 20.000đ/ngày khi làm thuê cho các chủ cà phê.

Quyết định 132 của Chính phủ là một chính sách phù hợp nhằm giải quyết các nhu cầu của người dân tộc bản xứ, nhưng vẫn còn khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến thiếu đất, sở hữu đất, sở hữu khan hiếm các nguồn tài nguyên địa phương.

Người nghèo bị thiệt hại nhất do đất đai bị thoái hóa. Các cộng đồng thiểu số địa phương có truyền thống du canh du cư. Ngày nay, với dân số tăng nhanh, áp lực lên nguồn tài nguyên có sẵn cũng tăng lên, hậu quả độ phì nhiêu giảm. Người bản xứ cho rằng họ cần có những hướng dẫn chuyên môn từ cán bộ chuyên môn về cách thức giữ gìn độ phì nhiêu của đất trồng trọt. Nhiều người nghèo ở Trung Kuh, xã Ea Kal bị sụt giảm lượng thu hoạch chỉ su 3, 4 vụ trồng trọt, do họ không đủ tiền mua phân bón hay các vật tư nông nghiệp khác. Họ không có lựa chọn nào khác do không còn vùng đất hoang mới để chuyển đến. Các vườn cà phê cũng ở trong tình trạng tương tự do đó năng suất cà phê cũng bị giảm nhanh chóng. Tình trạng đất bị thoái hóa đòi hỏi phải đầu tư nhiều phân bón hơn, nhưng các hộ nghèo không có vốn nếu không đi vay. Đây cũng là lý do tại sao người nghèo ở Đăk R'lấp và Ea H'leo đề nghị ngân hàng cho họ vay tiền thông qua cán bộ khuyến nông, những người có thể khuyên họ sử dụng món tiền vay hiệu quả hơn.

Do đã sống qua nhiều thế hệ với rừng đồng bào dân tộc biết rất rõ về quản lý và bảo vệ rừng. Ngày nay khi rừng và các nguồn tài nguyên ngày càng ít đi các cộng đồng người nghèo cảm thấy họ phải hội nhập vào môi trường kinh tế mới, mặc dù họ là một phần của nó, họ không thể cạnh tranh nổi về tài chính, kỹ thuật. Một trong những nguyên nhân chính làm cho kinh tế- xã hội và môi trường bị suy thoái là việc cộng đồng dân tộc bản xứ phải từ bỏ những thói quen truyền thống giúp cho các tài nguyên thiên nhiên được bảo vệ. Đối với họ, các chính sách quản lý và bảo vệ rừng.

Việc bảo đảm nhu cầu sinh hoạt ngày càng trở nên khó khăn hơn. Khoảng 30% người nghèo phải dựa vào rừng để kiếm sống.

VD: Họ khai thác những sản phẩm như gỗ, măng, tre, nứa. Người dân sử dụng rất nhiều gỗ trong xây dựng làm trụ để các cọc tiêu, phần lớn nhà của dân tộc đều làm bằng gỗ, không có số liệu cụ thể về số lượng gỗ nhưng ước tính đây là một số lượng rất lớn. Điều quan trọng đây cần tìm các vật liệu thay thế nhằm giảm áp lực cho khu rừng.

Việc kiểm các sản phẩm cây gỗ và các lâm sản khác ngày càng trở nên khó khăn do rừng bị khai thác quá mức. Nhân viên kiểm lâm đã thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ đối với mọi sản phẩm từ rừng. Tuy nhiên một số phụ nữ cho rằng họ phải làm việc vất vả hơn do giá cả phê bị rớt giá, họ phải đi rừng hai hoặc ba ngày một lần. Khai thác lâm sản chủ yếu cho gia đình mình và hiện nay phải đi hàng ngày vì không chỉ để cho gia đình mà còn để bán.

Các biện pháp bảo vệ môi trường đã không gặp ít khó khăn và thách thức. Trước hết là việc giao rừng là một giải pháp hay nhưng trên giấy tờ Lãnh đạo Huyện Ea H'leo nói trong huyện có 4 lâm trường đang quản lý 60.000 ha rừng. Theo quyết định 168/2001/QĐ- TTg, các Lâm trường nay đã được yêu cầu giao đất, giao rừng cho các xã để bảo vệ và quản lý. Tuy nhiên chỉ có 1 diện tích nhỏ rừng cấm được giao cho xã, việc giao rừng ở huyện Đăk R'lấp đã không diễn ra đúng theo kế hoạch, mặc dù các lâm trường đã được yêu cầu nhiều lần. Nhưng việc giao rừng chỉ nằm trên giấy tờ. Điều đó đã tạo cơ hội cho lâm tặc hoành hành. Diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, đất bị xói mòn trầm trọng và lũ quét hoành hành.

Chương IV

MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM THỜI KỲ VIỆT NAM GIA NHẬP WTO

Quốc tế đang hỗ trợ Việt Nam bảo vệ môi trường trong thời kỳ hội nhập.

Ngày 29/01/2007 tại Hà Nội Bộ tài nguyên và Môi trường, ngân hàng thế giới tổ chức Hội nghị thường niên, nhóm hỗ trợ quốc tế và tài nguyên môi trường đã tham dự ở Hà Nội. Có Bộ trưởng ông Mai Ái Trực, ông Klaus Eohland, Giám đốc Ngân hàng thế giới tại Việt Nam, đại diện các bộ các tổ chức quốc t, nhiều nhà tài trợ và các cơ quan thông tin báo chí.

Ngày 11/01/2007 tại Việt nam chính thức trở thành, thành viên (WTO) đây là cơ hội để Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế nhưng cũng đặt ra cho

chúng ta nhiều thách thức trở ngại. Việt Nam tham gia nhiều hoạt động, hợp tác song phương về bảo vệ tài nguyên và môi trường, quản lý tài nguyên rừng thông qua hợp tác quốc tế. Việt Nam đã được hỗ trợ, hợp tác nhiệt tình của các nước trên thế giới. Sự quan tâm và hỗ trợ đó đã giúp ngành tài nguyên và môi trường đạt được nhiều thành tựu. Chúng ta có quyền tin tưởng rằng các nhà tài trợ Quốc tế sẽ ủng hộ Việt nam vượt qua thử thách và nắm bắt cơ hội.

Phát biểu tại Đại hội, Bộ trưởng Mai Ái Trục đánh giá cao sự giúp đỡ của các nước Quốc tế tạo điều kiện cho Việt Nam làm tốt công tác bảo vệ môi trường và khai thác tài nguyên môi trường. Dù có một số bất cập nhưng nguồn tài trợ quốc tế đã sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả góp phần cải thiện môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, nhất là người dân nghèo sống phụ thuộc vào tự nhiên.

Chương V

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VỀ BẢO BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. Phương hướng và quy mô hoạt động về bảo vệ môi trường là vấn đề chung của nhân loại

1. Khí quyển và khí hậu:

Phát triển các hình thức dự báo chính xác hơn các mức độ gây ô nhiễm không khí và nồng độ khí nhà kính có thể gây ra tác động nguy hiểm đến không khí và môi trường.

Hiện đại hóa các hệ thống điện lực hiện có thể đạt được hiệu quả năng lượng và có thể phát minh và nguồn năng lượng mới và tái tạo như năng lượng mặt trời, gió, thủy năng, đại dương.

Giúp mọi người hiểu được cách phát triển sử dụng năng lượng hiệu quả, ít gây ô nhiễm, điều phối các kế hoạch năng lượng vùng có thể sản xuất và phân phối hiệu quả năng lượng dưới dạng hợp lý với môi trường.

Tăng cường đánh giá về nội dung và phương thức ra quyết định để các chính sách về năng lượng môi trường và kinh tế kết hợp nhau theo cách bền vững.

Triển khai các chương trình dán lá nhãn trên hàng hóa về hiệu quả năng lượng cho người tiêu dùng.

2. Đất và sự hoang mạc hóa:

Áp dụng các kế hoạch quốc gia và sử dụng đất bền vững và quản lý tài nguyên môi trường bền vững. Thúc đẩy nhanh các chương trình trồng cây sử dụng các loại cây và thực tập bản địa phát triển nhanh và chịu hạn.

Hỗ trợ phát triển các nguồn thiên, nguyên liệu mới làm giảm nhu cầu sử dụng củi đun, làm giảm bớt những gánh nặng cho rừng và thông qua các chương trình hiệu suất năng lượng và năng lượng thay thế.

3. Nước ngọt:

- Là nguồn tài nguyên cơ bản và mong manh nhưng có ý nghĩa quan trọng tác động trực tiếp đến con người. Nguồn nước duy trì bền vững cuộc sống phát triển môi trường.

- Phát triển và quản lý nước phải dựa trên cách tiết kiệm tham gia bao gồm: người sử dụng, nhà quy hoạch và quyết định ở mọi cấp.

- Phụ nữ có vai trò chủ yếu trong công tác bảo vệ cung cấp nguồn nước.

- Nước có giá trị kinh tế cho mọi mục đích sử dụng và phải được xem là một loại hàng hóa kinh tế của quốc gia cũng như của thế giới.

4. Rừng nhiệt đới:

- Tiến hành kiểm nguồn tài nguyên và sẵn sàng một chiến lược quản lý rừng.

- Bảo vệ các khu rừng tự nhiên, nhất là khu rừng nguyên sinh, duy trì và sử dụng một cách hợp lý, bền vững, rừng đã biến đổi và xây dựng các vùng cây trồng cho mục tiêu khai thác ở mức độ cao, khuyến khích các cộng đồng địa phương tham gia vào công tác quản lý rừng. Ngăn cấm việc phá rừng làm rẫy của các đồng bào dân tộc thiểu số cần có các hoạt động quốc tế để tạo ra

sự lưu thông các sản phẩm rừng được khai thác theo quan điểm bền vững và giúp đỡ các nước nghèo có cách khai thác và bảo vệ tài nguyên rừng hợp lý.

Từ nay đến những năm tiếp theo việc buôn bán quốc tế về gỗ và các lâm sản phải được tiến hành trong khuôn khổ các hệ thống quản lý rừng dựa trên cơ sở bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên.

Phương hướng và chương trình hoạt động về bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

Năm 1991 Việt Nam thông qua kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững.

Năm 1992 Ủy ban khoa học Nhà nước đổi tên thành Bộ công nghệ môi trường. Trong đó Cục môi trường là đầu mối chủ chốt. Tháng 1/1994 luật bảo vệ môi trường thông qua.